

TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10 -TÂY NINH
Số: 39/2026/QĐST-HNGĐ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Tây Ninh, ngày 15 tháng 01 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 997/2025/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, giữa:

Nguyên đơn: Ông Trà Minh T, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ B khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072090011219, cấp ngày 10/5/2021;

Bị đơn: Bà Lê Thị Hồng C, sinh năm 1990; nơi cư trú: khu phố T, phường T, tỉnh Tây Ninh; căn cước công dân số: 072190000222 cấp ngày 04/4/2023;

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 01 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Trà Minh T và bà Lê Thị Hồng C.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: Ông Trà Minh T và bà Lê Thị Hồng C.

Về quan hệ hôn nhân: Ông Trà Minh T và bà Lê Thị Hồng C thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông, bà có 01 con chung tên Trà Gia K, sinh ngày 06/11/2024. Giao con chung tên Trà Gia K cho bà Lê Thị Hồng C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Trà Minh T được quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Trà Minh T tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.200.000 (Một triệu hai trăm nghìn) đồng. Bắt đầu thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con từ ngày 15/01/2026 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Tài sản chung; Nợ chung: Ông, bà không yêu cầu giải quyết.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trà Minh T tự nguyện chịu án phí số tiền 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng và ông T phải chịu án phí cho việc cấp dưỡng nuôi con 150.000 (Một trăm năm mươi nghìn) đồng. Tổng cộng ông T chịu 300.000 đồng, nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí khởi kiện đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu số 0014740 ngày 10/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh. Ông Trà Minh T đã nộp đủ án phí.

3. Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Đỗ Thị H

